TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị D – anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hường
2. Ông Nguyễn Văn Diệu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2018/TLST- HNGĐ ngày 22/6/2018 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1978
Bị đơn: Anh Đoàn Tăng L, sinh năm 1974
Đều ĐKNKTT: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình
(*Chị D có mặt, anh L vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 26/5/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh Đoàn Tăng L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/1996 tại UBND xã A, huyện Q, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã A, quá trình chung sống giữa anh, chị thường xảy ra xô xát, cãi vã, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Năm 2016 anh L bị Tòa án huyện Quỳnh Phụ xét xử về hành vi liên quan đến ma túy, đến nay anh L đã chấp hành xong bản án và đang sinh sống tại thôn L, xã A, huyện Q, từ ngày anh L ra tù, mâu thuẫn vẫn xảy ra, tình cảm không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân được 01 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, nay tình cảm chị dành cho anh L không còn, chị xin được ly hôn với anh L. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đoàn Tăng Ng, sinh ngày 09/12/1998 và cháu Đoàn Tăng D1, sinh ngày 30/6/2004, cháu Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, con Đoàn Tăng D1 có nguyện vọng ở với anh L nên chị

cũng nhất trí. Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không vay nợ của ai và cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đối với anh Đoàn Tăng L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Kết quả xác minh vào ngày 25/7/2018, Ủy ban nhân dân xã A cung cấp: Hiện nay anh L có mặt tại địa phương, mâu thuẫn giữa chị D và anh L đã kéo dài, nhiều lần hòa giải nhưng đều không có kết quả, giữa chị D và anh L không thể hàn gắn hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn anh L. Chị D, anh L có hai con chung là cháu Đoàn Tăng Ng, sinh ngày 09/12/1998 và cháu Đoàn Tăng D1, sinh ngày 30/6/2004, cháu Ng đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, đề nghị giao con Đoàn Tăng D1 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung do đương sự không yêu cầu giải quyết nên địa phương không có ý kiến gì. Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được giao hợp lệ cho anh L, anh L đã biết chị D làm đơn ly hôn gửi Tòa án, sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh L đều thông báo không đến Tòa án để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về việc chấp hành pháp luật của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho chị D được ly hôn anh L; Về quan hệ con chung: Cháu Đoàn Tăng Ng, sinh ngày 09/12/1998 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, giao con Đoàn Tăng D1, sinh ngày 30/6/2004 cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh Đoàn Tăng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Kết quả điều tra thể hiện: Hôn nhân giữa chị Lê Thị D và anh Đoàn Tăng L là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị D và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc, mặt khác Ủy ban nhân dân xã A cung cấp: Mâu thuẫn giữa chị D và anh L đã kéo dài, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Điều này chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị D, anh L không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do vậy cần xử cho chị D được ly hôn với anh L là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị D, anh L có 02 con chung là Đoàn Tăng Ng, sinh ngày 09/12/1998 và cháu Đoàn Tăng D1, sinh ngày 30/6/2004, cháu Ng đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, cháu Doanh đề nghị được ở với anh L, tại phiên tòa chị D đề nghị giao con Đoàn Tăng D1 cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, vì vậy cần giao con Đoàn Tăng D1 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu Doanh, chị D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

Tài sản chung, riêng và nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Đoàn Tăng L.

2. Về con chung: Giao con Đoàn Tăng D1, sinh ngày 30/6/2004 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu

3. Án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chuyển số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số: 0003670 ngày 21/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

Chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, anh L vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ
- UBND xã A – Q
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

3. Án phí: Bùi Thị Quyên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chuyển số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Quyên đã nộp theo biên lai số: 0003564 ngày 12/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

Chị Quyên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Cương vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**